

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-04-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học;
2. Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quốc Tr, sinh năm 1970 (có yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Bà Tạ Ngọc D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Hai đương sự cùng cư trú tại: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2018 và bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2019 nguyên đơn ông Trần Quốc Tr trình bày yêu cầu:*

Năm 1996, qua thời gian tìm hiểu ông Tr và bà Tạ Ngọc D thành hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ng, huyện H, tỉnh Minh Hải. Sau khi kết hôn ông bà về sinh sống tại Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn về tiền bạc, càng về sau mâu thuẫn càng trầm trọng, thường xuyên bất hòa, thiếu tế nhị và có những hành động không tốt thường xuyên xảy ra. Vì con cái nên cố gắng nhẫn nhịn, nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều, ông bà sống ly thân từ tháng 03 năm 2018 đến nay.

Xét thấy không thể duy trì hôn nhân, kéo dài chỉ tổn thương cho nhau nên ông Tr yêu cầu ly hôn.

Về con chung, có 02 người con hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Tạ Ngọc D được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp, phiên hòa giải 02 lần nhưng đương sự không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Quốc Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Tạ Ngọc D đã được Tòa án Triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc Tr, bà Tạ Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ng, huyện H, tỉnh Minh Hải theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 04 tháng 4 năm 1996 quyển số I/96, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống ông bà có những bất hòa không hàn gắn được, ông Tr cho rằng vợ chồng mất lòng tin với nhau trong vấn đề tiền bạc, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2007 kéo dài nhiều năm cũng không giải quyết được, ông bà sống ly thân từ

tháng 3 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, ông Tr yêu cầu ly hôn, bà D vắng mặt nên không có ý kiến. Thấy rằng vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc cho nhau, nhưng giữa hai đương sự đang sống riêng, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác, bà D cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân được thể hiện là Toà án Thông báo hoà giải hai lần nhưng bà D không một lần đến để hoà giải hàn gắn hôn nhân. Từ những phân tích trên xét thấy mâu thuẫn của ông bà đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc Tr về việc xin ly hôn. Ông Tr được ly hôn với bà Tạ Ngọc D.

[2]. Về con chung: Ông Tr xác nhận có 02 người con chung hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, ông Tr phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc Tr về việc xin ly hôn với bà Tạ Ngọc D.

Ông Trần Quốc Tr được ly hôn với bà Tạ Ngọc D.

- Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng ông Tr phải chịu, ông Tr có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0016202 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- UBND TT Ng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính